

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST

Ngày: 21/9/2018

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Ngân Hà

2. Ông: Trương Quang Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Chung - kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-DS ngày 23/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là B). Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Tổng giám đốc; Địa chỉ: Tháp B – 35 H – quận H – TP.Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc M – Trưởng phòng Quản lý rủi ro B Quảng Bình. (Được ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-B ngày 28/10/2016 từ ông Phan Đức T - Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ và Quyết định ủy quyền số 464/QĐ-B.QB ngày 01/3/2018 từ ông Lê Gia H – Giám đốc chi nhánh ngân hàng TMCP Đ Quảng Bình). Ông M có mặt;

Địa chỉ người đại diện theo ủy quyền: 189 H, TP Đ, Quảng Bình.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1978 và bà Phan Thị Q, sinh năm: 1982;
Địa chỉ: Ngõ 8, đường T, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Từ ngày 24/4/2014 đến ngày 07/01/2015, ông Trần Văn H và bà Phan Thị Q đã ký với B Quảng Bình 02 hợp đồng tín dụng số 01/2014/5363892/HĐ và số 01/2015/5363892, để vay với tổng số tiền 50.000.000đ, với cùng thời hạn vay: 24 tháng, mục đích tiêu dùng. Để đảm bảo cho nghĩa vụ của trả nợ của mình, Ông Trần Văn H (từng là Chỉ huy trưởng quân sự, công tác tại UBND phường H, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình) đã sử dụng thu nhập của mình thông qua lương, thưởng hàng tháng tại đơn vị công tác để bảo đảm. Giấy đề nghị vay vốn của ông Trần Văn H có bà Phan Thị Q cùng ký và có xác nhận về thu nhập hàng tháng của UBND phường H. Trong quá trình quan hệ tín dụng tại B Quảng Bình, ông Trần Văn H và bà Phan Thị Q không thực hiện đúng thỏa thuận, cam kết tại hai Hợp đồng tín dụng đã ký với B Quảng Bình và để phát sinh nợ quá hạn với tổng dư nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 21/9/2018 là 15.432.380đ (trong đó, dư nợ gốc: 10.838.000đ, dư nợ lãi trong hạn: 3.218.314đ và lãi quá hạn: 1.376.066đ). Toàn bộ khoản vay của ông H, bà Q hiện là nợ xấu, là đối tượng theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của quốc hội ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu đối với các tổ chức tín dụng. Vì vậy, để thu hồi nợ vay nói trên, B khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Trần Văn H và bà Phan Thị Q thanh toán cho B số tiền 15.432.380đ và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5363892/HĐ và số 01/2015/5363892 giữa ông Trần Văn H và bà Phan Thị Q với B Quảng Bình cho đến ngày trả xong cho B. Trường hợp ông, bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho B thì đề nghị tòa án tuyên xử buộc ông H, bà Q tìm mọi nguồn thu khác để trả nợ vay cho B và B được quyền chủ động hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại những tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông H, bà Phan Thị Q để thu hồi nợ.

* Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa án theo thời gian quy định. Vì vậy tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản) vì hiện nay ông H bà Q không có mặt tại địa phương. Điều đó cũng phù hợp với Biên bản xác minh ngày 10/8/2016 tại Công an phường H (do B Quảng Bình cung cấp) về sự việc bị đơn không có tại địa phương. Tòa án cũng có Công văn gửi UBND nơi ông H công tác để yêu cầu cung cấp về thông tin công tác của ông H và xác định được ông H đã chấm dứt công tác từ ngày 03/02/2016. Việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo luật định không có kết quả. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật. Đối với việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Ông Trần Văn H và bà Phan Thị Q có nghĩa vụ thanh toán cho B tổng cộng số

tiền nợ vay tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 21/9/2018 là 15.432.380đ (trong đó, dư nợ gốc: 10.838.000đ, dư nợ lãi trong hạn: 3.218.314đ và lãi quá hạn: 1.376.066đ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng theo luật định nhưng bị đơn không đến tòa án. Qua xác minh thực tế xác định được bị đơn không có tại địa phương trước thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện nhưng đủ căn cứ xác định được bị đơn vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Tòa án thu thập thêm thông tin xuất nhập cảnh đối với bị đơn nhưng không có kết quả. Sau khi tạm đình chỉ vụ án, Tòa án đã tiếp tục đưa vụ án ra giải quyết theo quy định, tiến hành niêm yết công khai các giấy tờ tố tụng tại nơi cư trú của bị đơn, hộ khẩu của bị đơn không cắt chuyển. Việc hòa giải vụ án không thể tiến hành được, thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Ngày 23/8/2018 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 53/2018/QĐXXST-DS ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Bị đơn ông Trần Văn H và chị Phan Thị Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-DS ngày 23/8/2018 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 21/9/2018 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 BLTTDS. Nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được từ ngày 24/4/2014 đến ngày 07/01/2015, ông Trần Văn H và bà Phan Thị Q đã ký với B Quảng Bình 02 hợp đồng tín dụng số 01/2014/5363892/HĐ và số 01/2015/5363892, để vay với tổng số tiền 50.000.000đ, với cùng thời hạn vay: 24 tháng, mục đích tiêu dùng. Hình thức bảo đảm cho khoản vay của bị đơn là lương, thưởng hàng tháng của ông H. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Hợp và bà Quyên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hai hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng

chi tiết lịch sử các khoản vay do B Quảng Bình cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần Văn H và bà Phan Thị Q đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng nhưng đến tháng 2/2016 ông H đã không còn công tác tại UBND phường H nên nghĩa vụ trả nợ của ông, bà thông qua trích trừ lương không được đảm bảo. Ngày 16/3/2016 B đã có thông báo nợ đến hạn gửi ông H và bà Q nhưng không có kết quả. Sau đó phía B cũng đã dùng nhiều biện pháp để tiếp cận cũng như tìm hiểu thông tin của bị đơn nhưng không có thông tin. Như vậy, ông Trần Văn H và bà Phan Thị Q đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi. Theo yêu cầu của nguyên đơn thì tính đến ngày xét xử 21/9/2018 tổng số tiền bị đơn chưa trả cho B là: 15.432.380 đồng (trong đó: nợ gốc là 10.838.000đ, lãi trong hạn là 3.218.314đ và lãi quá hạn: 1.376.066đ). B yêu cầu ông H, bà Q tìm mọi nguồn thu để trả nợ cho ngân hàng số tiền nói trên và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết số nợ là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 122; 124, 388, 389, 401, 402, 405, 471, 473, 474 Bộ luật dân sự (2005);
- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B).

1.1. Buộc ông Trần Văn H và bà Phan Thị Q phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B) số tiền tính đến ngày 21/9/2018 gồm: 15.432.380 đồng (trong đó: nợ gốc là 10.838.000đ, lãi trong hạn là 3.218.314đ và lãi quá hạn: 1.376.066đ).

1.2. Từ ngày 22/9/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng ông Trần Văn H và bà Phan Thị Q còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận theo 02 hợp đồng tín dụng số 01/2014/5363892/HĐ và số 01/2015/5363892 mà hai bên đã ký kết.

2. Án phí:

2.1. Bị đơn ông Trần Văn H và bà Phan Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 771.619 đồng.

2.2. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 334.505 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000095 ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thanh Nhân